

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN R
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **06/2021/HSST**

Ngày: 01/2/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Thị Bình**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Duy Khải**

2. Ông Lê Đình Trung

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hảo** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Ông Hoàng Xuân Lưu** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 23/2021/HSST ngày 30 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Như Y**, sinh năm 1977 tại Bình Định; HKTT: Khu phố 1, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa: 9/12; con ông Phạm M - đã chết và bà Trương Thị C, sinh năm 1939; có vợ là Trần Cẩm T, sinh năm 1992 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không.

Được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, “có mặt”.

*** Bị hại:** Quách Văn K, sinh năm: 1993 (đã chết)

Người đại diện hợp pháp cho bị hại Quách Văn K:

1/ Ông Quách Văn V, sinh năm 1959 (*Vắng mặt*).

2/ Bà Phan Thị T, sinh năm 2000 (*Vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: Bản 5, xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

(Ông Quách Văn V và bà Phan Thị T ủy quyền cho ông Quách Văn N, sinh năm 1987, (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: Bản 5, xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Phạm Văn B, sinh năm: 1988 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: KP 5, phường Hắc D, thị xã Phú M, tỉnh R – Vũng Tàu

***Người làm chứng:**

1/ Quách Văn A, sinh năm: 1987 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Bản 5, xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

2/ Ông Đinh Quang H, sinh năm: 1975 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp 1, phường T, TP. X, tỉnh Bình Phước

3/ Ông Điều H, sinh năm: 2005 (*Vắng mặt*).

4/ Điều Thanh L, sinh năm: 2000 (*Vắng mặt*).

5/ Điều N, sinh năm: 1997 (*Vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã S, huyện R, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 10/6/2020, Phạm Như Ý, sinh năm: 1977, HKTT: Khu phố 1, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Phước điều khiển xe ô tô tải, hiệu Foton Thaco, biển số: 93C – 078.58 chở khoảng 500kg mủ cao su (loại mủ tạp và mủ đông) lưu thông trên đường ĐT 759 hướng từ thị xã L đi huyện Bù Đăng. Trên xe lúc này còn có 03 người phụ xe gồm Điều H, SN: 2005, Điều N, SN: 1997 và Điều Thanh L, SN: 2000 cùng HKTT tại thôn M, xã S, huyện R. Khi Ý điều khiển xe đến đoạn đường thuộc thôn Bàu Đ, xã Phước T, huyện R thì xe ô tô do Ý điều khiển va chạm với xe mô tô, hiệu Wave RSX, biển số: 36V1 – 164.58 đang dừng ở lề đường bên phải do ông Quách Văn K, SN: 1993, HKTT: bản 5, xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa điều khiển, ngồi ở phía sau xe là ông Phạm Văn B, SN: 1988, HKTT: KP. 5, phường Hắc D, thị xã Phú M, tỉnh R – Vũng Tàu. Hậu quả là ông K tử vong tại chỗ, ông B bị thương được đưa đi Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước điều trị.

Kết quả khám nghiệm hiện trường.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 10/6/2020 của Cơ quan CSĐT Công an huyện R xác định:

Hiện trường của đoạn đường xảy ra tai nạn giao thông là đoạn đường nhựa và bê tông, mặt đường rộng 8,2m, cong về bên trái theo hướng xe ô tô di chuyển, dốc theo chiều hướng từ trên xuống, hướng đi từ thị xã L đến đường Quốc lộ 14, phía bên phải đường nhựa và bê tông có rãnh thoát nước hình chữ u không có nắp đậy theo hướng thị xã L đi hướng đường Quốc lộ 14 (rộng 01m, sâu 01m).

Đoạn đường xảy ra tai nạn có vạch kẻ liên màu vàng, chia thành hai phần đường, hai chiều, phương tiện lưu thông không có biển báo hiệu, không có gờ giảm tốc độ trên mặt đường.

Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí nạn nhân, phương tiện tang vật dấu vết.

- Số 1,2,4,5 là vết phanh.
- Số 3,9 là cọc tiêu đường bộ.
- Số 6,10 là vết cày.
- Số 7 là vết trượt màu đen.
- Số 8 là khối bê tông bị bể.
- Số 11 là xe mô tô biển số: 36B1-164.58.
- Số 12 là vết cà trên mặt đường.
- Số 13 là nạn nhân chết tại hiện trường.
- Số 14 là một phần tổ chức não.
- Số 15 là xe ô tô tải biển số: 93C-078.58.
- Số 16 là kính xe ô tô bị vỡ.
- Số 17 là bình nước màu xanh.

Xác định điểm mốc và một trong các mép đường nơi xảy ra tai nạn làm chuẩn.

- Chọn trụ điện số B19 ở lề đất phía bên phải đường nhựa theo hướng từ thị xã L, tỉnh Bình Phước đến đường Quốc lộ 14 làm điểm mốc cố định.

- Chọn mép đường nhựa phía bên trái theo hướng từ thị xã L đến đường Quốc lộ 14 làm mép chuẩn.

Mô tả theo số thứ tự vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết.

- Số 1 ở trên mặt đường nhựa và đường bê tông tạo thành một đường xéo hướng từ đường nhựa vào đường bê tông có chiều hướng từ thị xã L đi hướng Quốc lộ 14, số 1 có kích thước dài 11,35m, rộng 0,25m. Đầu số 1 đo vuông góc vào mép đường chuẩn là 4,85m, đo đến số 2 là 2,90m, cuối số 1 đo vuông góc vào mép đường chuẩn là 8,19m, đo đến cuối số 2 là 2,90m.

- Số 2 ở trên mặt đường nhựa và đường bê tông kích thước dài 12,82m, rộng 0,25m tạo thành một đường xéo liên tục đầu ở phần đường nhựa, đuôi ở phần đường bê tông, số 2 có chiều hướng từ thị xã L đi hướng Quốc lộ 14. Đầu số 2 đo vuông góc vào mép chuẩn là 3,9m, cuối số 2 đo vuông góc vào mép đường chuẩn là 8,19m, cuối số 2 đo đến cuối số 4 là 1,4m.

- Số 3 ở trên phần đường bê tông có kích thước 18cm, rộng 18cm, cao 16cm, số 3 đo vuông góc vào mép đường chuẩn là 7,87m, đo đến cuối số 1 là 1,35m.

- Số 4 ở trên mặt đường nhựa và đường bê tông có kích thước dài 3,76m, rộng 40cm tạo thành một đường xéo liên tục đầu ở phần đường nhựa, đuôi ở phần

đường bê tông, số 4 có chiều hướng từ thị xã L đi hướng Quốc lộ 14. Đầu số 4 đo vuông góc vào mép đường chuẩn là 5,95m, đo đến đầu số 5 là 1,05m, cuối số 4 đo vuông góc vào mép chuẩn là 6,8m.

- Số 5 ở trên mặt đường nhựa và đường bê tông có kích thước dài 8,1m, rộng 35cm tạo thành một đường xéo liên tục. Đầu số 5 ở phần đường nhựa cuối số 5 ở phần đường bê tông, số 5 có chiều hướng từ thị xã L đi hướng Quốc lộ 14. Đầu số 5 đo vuông góc vào mép đường chuẩn là 4,95m, cuối số 5 đo vuông góc vào mép đường chuẩn là 6,8m.

- Số 6 ở phần đường nhựa liên tục có chiều hướng từ thị xã L đi hướng Quốc lộ 14, số 6 có kích thước dài 13cm, rộng 4cm. Đầu số 6 đo vuông góc vào mép chuẩn là 5,5m, cuối số 6 đo vuông góc vào mép chuẩn là 5,62m.

- Số 7 ở mép rãnh thoát nước phía bên phải theo hướng từ thị xã L đi hướng Quốc lộ 14, số 7 có kích thước dài 95cm, rộng 29cm, tâm số 7 đo vuông góc vào mép đường chuẩn là 9,20m, tâm số 7 đo đến tâm số 8 là 4m.

- Số 8 ở mép rãnh thoát nước phía bên phải theo hướng từ thị xã L đi hướng Quốc lộ 14, số 8 có kích thước dài 3,55m, rộng 95cm, tâm số 8 đo đến tâm số 9 là 2,6m.

- Số 9 ở trên phần đường bê tông có kích thước dài 18cm, rộng 18cm, cao 18cm, số 9 đo vuông góc vào mép đường chuẩn là 7,95m, tâm số 9 đo đến đầu số 10 là 2m.

- Số 10 ở trên mặt đường bê tông có kích thước dài 92cm, rộng 6cm, số 10 có chiều hướng từ thị xã L đi hướng đường Quốc lộ 14. Đầu số 10 đo vuông góc vào mép đường chuẩn 6,3cm, cuối số 10 đo đến trục bánh xe sau số 11 là 1,9m.

- Số 11 nằm ngã nghiêng ở trên phần đường nhựa và ngã nghiêng về phía bên phải, đầu quay về hướng đi đường Quốc lộ 14, đuôi quay về hướng đi thị xã L. Trục bánh xe sau số 11 đo vuông góc vào mép đường chuẩn là 5,4m, trục bánh xe trước số 11 đo vuông góc vào mép đường chuẩn là 5m, trục bánh trước số 11 đo đến điểm mốc là 7,25m, trục bánh xe sau số 11 đo đến điểm mốc là 7,7m.

- Số 12 tạo thành nhiều đường xéo đứt quãng ở trên mặt đường bê tông có chiều hướng từ thị xã L đi hướng đường Quốc lộ 14. Số 12 có kích thước dài 2,3m, rộng 1m, tâm của đầu số 12 đo vuông góc vào mép đường chuẩn là 6,9m, đo đến trục bánh xe sau số 11 là 1,7m.

- Số 13 nằm xấp trên đường nhựa và bê tông, đầu số 13 quay về hướng đi thị xã L, phần cuối (đầu ngón chân) số 13 đo vuông góc vào mép chuẩn là 5,7m. Phần cuối (Chân) số 13 quay về hướng đi đường Quốc lộ 14, đo đến điểm mốc là 6,3m. Đỉnh đầu số 13 đo đến điểm mốc là 6,3m, đỉnh đầu số 13 đo đến tâm số 14 là 60cm, số 13 có kích thước dài 135cm, rộng 90cm.

- Số 14 ở trên mặt đường bê tông có kích thước dài 40cm, rộng 30cm, cao 3 cm. Tâm số 14 đo vuông góc vào mép đường chuẩn là 6,85m, tâm số 14 đo đến trục bánh xe sau phía bên trái số 15 là 2,05m.

- Số 15 bị lật nghiêng về phía bên trái nằm ở trên rãnh thoát nước, đầu quay về hướng đi thị xã L, đuôi xe quay về hướng đi đường Quốc lộ 14, số 15 có kích thước dài 6m, rộng 2m, trục bánh trước số 15 đo vuông góc vào mép chuẩn là 8,4m (Trục bánh trước bên trái), trục bánh sau bên trái xe đo vuông góc vào điểm mốc là 3,8m. Trục bánh xe trước bên trái xe đo vào đo vuông góc vào điểm mốc là 6,5m. Trục bánh xe trước bên trái xe đo đến tâm số 16 là 2,6m.

- Số 16 có kích thước dài 1,7m, rộng 0,9m ở phần lề đất phía bên phải rãnh thoát nước theo hướng đi từ thị xã L đi hướng đường Quốc lộ 14. Tâm số 16 đo vuông góc vào mép đường chuẩn là 10,6m. Tâm số 16 đo vào số 17 là 3,5m.

- Số 17 ở phần lề đất phía bên phải rãnh thoát nước hướng từ thị xã L đi hướng đường Quốc lộ 14, số 17 có kích thước dài 36cm, rộng 30cm. Tâm số 17 đo vuông góc vào mép đường chuẩn là 13,5m.

Kết quả khám nghiệm phương tiện:

Đối với xe ô tô BSKS: 93C-078.58:

- Kính chắn gió phía trước xe bị bung ra khỏi xe kích thước dài 160cm, rộng 85cm.
- Kính cửa chắn gió bên trái xe bị bể kích thước 94cm, rộng 60cm.
- Kính gương chiếu hậu bên trái xe bị bể hoàn toàn kích thước 20cm, rộng 13cm.
- Kính gương chiếu hậu bên phải xe bị bể hoàn toàn kích thước dài 20cm, rộng 13cm. Cản gương chiếu hậu bị cong gập từ trên xuống dưới.
- Toàn bộ cánh cửa bên trái đầu xe bị móp méo thủng từ ngoài vào trong và có nhiều vết trượt xước kim loại tróc sơn, kích thước dài 153cm, rộng 115cm.
- Cản nhựa phía trước bên trái xe bị cong móp méo không rõ hình dạng và có nhiều vết trượt mài mòn nhựa kích thước dài 180cm, rộng 25cm.
- Lốp xe phía trước bên trái bị thủng rách cao su kích thước dài 23cm, rộng 4cm. Tâm vết lủng xe cao su cách trục bánh xe là 56cm.
- Cản kim loại phía dưới thùng xe phía bên trái bị cong móp méo từ ngoài vào trong kích thước 230cm, rộng 35cm.
- Lốp xe phía trước bên phải có vết bể lủng cao su kích thước dài 10 cm, rộng 2cm, tâm cách trục bánh xe là 30cm, mặt ngoài lốp xe có dấu vết mài mòn cao su kích thước dài 40cm, rộng 25cm.
- Phần trước phía trên thùng xe phía bên trái xe có vết trượt mài mòn kim loại hướng từ trước ra sau kích thước dài 135cm, rộng 20cm và có vết thủng kim

loại từ ngoài vào trong kích thước dài 4cm, rộng 2cm. Tâm vết thủng cách góc phía trên, phía trước thùng xe là 75cm.

- Phần phía sau cánh cửa thùng xe phía bên trái có vết trượt thủng kim loại từ ngoài vào trong kích thước dài 100cm, rộng 80cm.

- Mặt ngoài lốp bánh xe ngoài phía sau bên trái xe có nhiều vết trượt mòn cao su kích thước dài 70cm, rộng 65cm. Mặt ngoài lốp xe có dính vết mô (Thịt), kích thước dài 3cm, rộng 2cm. Tâm vết mô (Thịt) cách tâm chữ s của chữ Supper trên bánh xe là 12cm.

- Phần giữ cánh cửa phía sau bên trái thùng xe có vết trượt móp kim loại theo chiều hướng từ dưới lên trên kích thước dài 32cm, rộng 01cm.

- Phần sau phía trên thùng xe bên trái có vết trượt thủng kim loại từ ngoài vào trong, kích thước dài 17cm, rộng 5cm. Tâm vết thủng cách góc trên phía sau thùng xe là 95cm.

- Ôp nhựa phần giữa vô lăng trong cabin bị bể bung ra khỏi vị trí ban đầu, kích thước dài 30cm, rộng 8cm.

- Ôp nhựa bảo vệ lưới tản nhiệt phía trước đầu xe bị bể nứt kích thước dài 91 cm, rộng 22cm.

- Phần trên mặt nạ ngoài của vệ chấn bunn phía sau của bánh xe sau phía bên trái có vết tổ hợp nã màu trắng đục kích thước dài 3cm, rộng 0,5cm. Tâm vết tổ hợp cách phần góc đuôi thùng xe bên trái là 118cm.

Đối với xe mô tô BSKS: 36B1-164.58:

- Toàn bộ phần đầu xe bị bể kích thước dài 67cm, rộng 23cm.

- Mặt ngoài kính đèn chiếu sáng phía trước có vết màu nâu đỏ (Nghỉ là máu) kích thước dài 17cm, rộng 14cm.

- Ôp nhựa chắn gió phía trước xe bị bể kích thước dài 30cm, rộng 30cm.

- Phần ngoài phần gác để chân bên phải phía trước xe có vết mài mòn kim loại hướng từ trước ra sau kích thước dài 1,5cm, rộng 1,5cm.

- Mặt ngoài phần đầu cân phanh bên phải phía trước xe có vết trượt mài mòn kim loại kích thước dài 3cm, rộng 0,5cm.

- Yên xe bị bung ra khỏi xe ở vị trí cố định kích thước dài 70cm, rộng 27cm.

- Ôp nhựa phần sau thân xe phía bên trái xe có vết bể nhựa kích thước dài 20cm, rộng 4cm.

- Xích xe bị bung khỏi không xe.

- Kính nhựa của biển số xe bị bể kích thước dài 20cm, rộng 14cm.

- Ôp cao su của tay cầm kim loại sau đuôi xe có vết rách cao su kích thước dài 25cm, rộng 5cm.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 157 ngày 12/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận:

* Dấu hiệu chính qua giám định:

- Biến dạng vùng đầu, da đầu dập rách phức tạp.
- Xương sọ vỡ phức tạp nhiều mảnh rời.
- màng cứng rách nhăm nhở.
- Não giập vỡ.

* Nguyên nhân chết: Quách Văn Kỳ, sinh năm: 1993 bị chấn thương sọ não gây vỡ xương sọ, giập não dẫn đến tử vong.

* Kết luận khác: không

Tại bản kết luận định giá tài sản số 56/KL-ĐGTS ngày 31/8/2020 của Hội đồng Định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện R kết luận: tại thời điểm ngày 10/6/2020 tổng giá trị thiệt hại do hư hỏng của xe mô tô biển số 36B1 – 164.58 là 4.600.000đ (bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) xe ô tô tải, hiệu FOTON, màu xanh, biển số: 93C – 078.58;
- 01 (một) xe mô tô hiệu HONDA WAVE RSX, màu đỏ - đen, biển số: 36B1 – 164.58;
- 01 (một) giấy phép lái xe hạng C, mang tên Phạm Như Y do Sở giao thông vận tải tỉnh Bình Phước cấp ngày 19/12/2016;
- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 93C – 078.58 cấp ngày 21/10/2016 mang tên Trần Anh T;
- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô số 0412959 đối với xe ô tô biển số 93C – 078.58;
- 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chủ xe ô tô số 0073415.

Tại Bản cáo trạng số 81/CTr-VKS ngày 30 tháng 11 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 50; 65 Bộ luật hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo Phạm Như Y mức án tù 15 tháng đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng đến 36 tháng.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng.

Bị cáo Phạm Như Y không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo Phạm Như Y: bị cáo rất ăn năn hối cải về việc bị cáo đã làm. Đây là một bài học vô cùng lớn, kính mong Hội đồng xét xử xem xét tuyên xử cho bị cáo mức án nhẹ nhất, cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú R, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú R, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm xe, kết luận giám định pháp y, vật chứng vụ án thu được và các tài liệu, chứng cứ khác được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở đó đã xác định được:

Ngày 10/6/2020, Phạm Như Y điều khiển xe ô tô tải, biển số: 93C - 078.58 lưu thông trên đường 759, đoạn đường cong và dốc theo hướng từ thị xã L đi huyện Đ. Khi đến đoạn đường thuộc thôn Đ, xã T, huyện R, tỉnh Bình Phước thì Ý đã không đảm bảo an toàn, không làm chủ được tay lái dẫn đến xe ô tô tải do Ý điều khiển lấn sát lề đường bên phải theo hướng di chuyển khiến thùng xe ô tô va chạm vào xe mô tô đang dừng bên lề đường, trên xe có ông Quách Văn K và Phạm Văn B đang ngồi trên xe, hậu quả là ông Kỳ tử vong tại chỗ.

Bị cáo điều khiển xe ô tô khi chuyển hướng không giảm tốc độ, không quan sát là vi phạm khoản 23 Điều 8 Luật giao thông đường bộ. Khoản 23 Điều 8 Luật giao thông đường bộ quy định: *“Hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, hành vi khác gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ”*.

Như vậy, nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn chủ yếu do lỗi của bị cáo gây ra. Hậu quả làm chết một người và một người bị thương nên có đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” với tình tiết định khung là “Làm chết 01 người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

3]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra:

Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi điều khiển xe ô tô tham gia giao thông phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật để đảm bảo an toàn nhưng với thái độ chủ quan khi điều khiển xe ô tô tham gia giao thông đến đoạn đường cong và dốc, đường trơn, bị cáo nhìn thấy phía trước có hai người đàn ông ngồi trên xe mô tô đang dựng lề đường bên phải nhưng bị cáo không giảm tốc độ đến mức không nguy hiểm hoặc dừng lại, thùng xe ô tô va chạm vào xe mô tô đang dựng bên lề đường nên đã gây tai nạn. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm những quy định Nhà nước về an toàn giao thông đường bộ, xâm phạm đến tính mạng, tài sản của người khác. Gây mất mát về tinh thần cho gia đình nạn nhân và ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn giao thông tại địa phương nơi xảy ra vụ án.

Với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng để giáo dục, cải tạo bị cáo và cũng để giáo dục, phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.
- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Như Y được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; đã khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại và gia đình người bị hại đã làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bản thân bị cáo đang nuôi con nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng. Vì vậy, chỉ cần tuyên hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo, giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý tạo điều kiện cho bị cáo tự giáo dục bản thân trở thành công dân tốt cho xã hội là phù hợp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, áp dụng pháp luật và phân hình phạt là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô biển số 36B1-164.58 là tài sản của vợ chồng bà Hoàng Thị H, sinh năm: 1986 và ông Lê Xuân T, sinh năm: 1989, Hộ khẩu thường trú: thôn Toán H, xã Thiệu H, huyện Thiệu H, tỉnh Thanh Hóa. Ngày 10/6/2020, Quách Văn K mượn xe mô tô trên của ông Tuấn đi làm thì xảy ra tai nạn. Ngày 30/10/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại xe trên cho bà H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với xe ô tô biển số 93C-078.58, giấy phép lái xe, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định và giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện là tài sản hợp pháp của Phạm Như Y, vào giữa năm 2019, Y mua lại của ông Trần Anh T, sinh năm: 1979, Hộ khẩu thường trú: thôn 4, xã Thiệu H, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước để sử dụng, chưa làm thủ tục sang tên. Phạm Như Y phạm tội với lỗi vô ý nên cần trả lại cho Y.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Y đã bồi thường cho gia đình bị hại Quách Văn K số tiền 405.000.000 đồng, bồi thường cho ông Phạm Văn B số tiền 50.000.000 đồng và khắc phục thiệt hại do hư hỏng xe mô tô biển số 36B1- 164.58 cho ông Lê Xuân T số tiền 7.000.000 đồng. Gia đình bị hại K và ông B, ông T không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Như Y phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Như Y 15 (Mười lăm)** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **30 (Ba mươi)** tháng kể từ ngày tuyên án (11-01-2021).

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường B, thị xã L, tỉnh Bình Phước để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Đại diện hợp pháp cho người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tuyên trả lại 01 xe mô tô biển số 93C-078.58 cho Phạm Như Y.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 621 ngày 30-10-2020 giữa Công an huyện R và Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Riềng).

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí: Buộc bị cáo **Y** phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)*.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện R;
- Chi cục THADS huyện R;
- CA huyện R;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Bình